

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2024/DS-ST
Ngày 30/7/2024
V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài*”
và “*Thực hiện nghĩa vụ tài sản*
do người chết để lại”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thanh Thảo**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Vũ Văn Hợp**

Ông **Nguyễn Thành Thái**

Thư ký phiên tòa ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Chí Thăng** - Thư ký TAND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành: Ông **Nguyễn Thế Nam** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 196/2023/TLST- DS, ngày 25 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2024/QĐXXST- DS, ngày 26/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2024/QĐST-DS ngày 14/5/2024 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Đ (B).**

Địa chỉ: **T, số A T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phan Đức T** - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông **Nguyễn Công N** - Chức vụ: Giám đốc **Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh K** (theo Quyết định số 963/QĐ-BIDV ngày 25/10/2021 của **Ngân hàng TMCP Đ** về việc uỷ quyền tham gia tố tụng).

Địa chỉ: **2 T, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.**

Người được uỷ quyền lại: Bà **Nguyễn Thị N1** – Chức vụ: Phó Giám đốc **Phòng Đ – Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh K** hoặc bà **Nguyễn Thị Tuyết N2** – Chức vụ: Chuyên viên Quản lý khách hàng – **Phòng Đ – Chi nhánh K** (theo Quyết định uỷ quyền tham gia tố tụng/ phá sản/ thi hành án dân sự số 223A/QĐ-BIDV.KG ngày 07/7/2023).

* Bị đơn: Ông **Huỳnh Văn C**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: **Ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.**

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh **Huỳnh Hà Quốc T1**, sinh năm 1996.

Địa chỉ: **Ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.**

(Bà **N1** có mặt, ông **C** và anh **T1** vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn **Ngân hàng TMCP Đ (B)** bà **Nguyễn Thị N1** trình bày như sau:**

Vào ngày 02/06/2011, bà **Hà Mỹ L** và ông **Huỳnh Văn C** có ký Hợp đồng tín dụng số: NA.0126.11/HĐTD vay tiền của **Ngân hàng TMCP P - Chi nhánh K - Phòng G1** (**Ngân hàng TMCP P** đã sáp nhập vào **Ngân hàng TMCP Đ**), cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 130.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm ba mươi triệu đồng)
- Lãi suất vay: 1,95%/tháng; Lãi suất hiện tại: 12%/năm; 15.5%/năm.
- Thời hạn vay: 12 tháng (Từ ngày 02/06/2011 đến ngày 02/06/2012)
- Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh vại.
- Kế hoạch trả nợ: Lãi trả 02 tháng/kỳ, **G** trả cuối kỳ.
- Hình thức đảm bảo nợ vay: Thế chấp một thửa đất ở tại **ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang** theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AB 729400 số vào sổ cấp giấy chứng nhận: H000126 (CN số 246/2005) do **UBND Huyện C, tỉnh Kiên Giang** cấp ngày 18/04/2005; Thửa đất số: 29; Tờ bản đồ: 37; Diện tích đất ở: 128,38 m². Chủ sở hữu: ông/bà **Hà Mỹ L** và **Huỳnh Văn C**.
- Tài sản thế chấp trên được thực hiện theo hợp đồng thế chấp số: 0576.0801/HĐTC ngày 03/11/2008; được công chứng/chứng thực tại **UBND xã M** ngày 03/11/2008; Phụ lục đảm bảo tiền vay số 0059.11/PLHĐTC ngày 02/06/2011 và đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất **huyện C, tỉnh Kiên Giang** ngày 03/11/2008.

Thực hiện Hợp đồng tín dụng trên, ngày 02/06/2011 Ngân hàng đã giải ngân cho bà ông/bà Hà Mỹ L và Huỳnh Văn C số tiền là: 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng), ông/bà Hà Mỹ L và Huỳnh Văn C đã ký nhận với số tiền: 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng).

- Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng này, ông/bà Hà Mỹ L và Huỳnh Văn C đã thanh toán cho ngân hàng số tiền là: 49.079.671 đồng, trong đó:

+ Nợ gốc: 8.837.195 đồng.

+ Nợ lãi: 40.242.476 đồng.

- Tính đến hết ngày 22/06/2023, ông/bà Hà Mỹ L và Huỳnh Văn C còn nợ ngân hàng số tiền: 384.888.792 đồng. Trong đó:

+ Nợ gốc: 121.162.805 đồng

+ Tổng nợ lãi: 263.725.987 đồng (Lãi trong hạn: 203.117.233 đồng, lãi quá hạn: 60.608.754 đồng).

- Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc nhắc nhở và làm việc với ông/bà Hà Mỹ L và Huỳnh Văn C yêu cầu ông/bà thanh toán các khoản nợ đã quá hạn nhưng đến nay ông/bà Hà Mỹ L và Huỳnh Văn C vẫn chưa thanh toán hết nợ gốc và lãi cho Ngân hàng B. Trước tình hình nợ quá hạn của ông/bà Hà Mỹ L và Huỳnh Văn C tồn đọng kéo dài gây rất nhiều khó khăn đến hoạt động của ngân hàng.

Ngân hàng được biết bà Hà Mỹ L đã chết vào ngày 27/10/2021 theo giấy chứng tử của Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang. Ông C và bà L có 01 người con trai tên là Huỳnh Hà Quốc T1.

Nay Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu Tòa án nhân dân Huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xem xét giải quyết buộc ông Huỳnh Văn C và anh Huỳnh Hà Quốc T1 phải thực hiện ngay nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng B toàn bộ số tiền gốc và lãi phải thanh toán đến hết ngày 22/06/2023 là: 384.888.792 đồng (Bằng chữ: Ba trăm tám mươi bốn triệu, tám trăm tám mươi tám nghìn, bảy trăm chín mươi hai đồng) và tiền lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số: NA.0126.11/HĐTD ký ngày 02/06/2011 kể từ ngày 23/06/2023 cho đến khi ông Huỳnh Văn C và anh Huỳnh Hà Quốc T1 thanh toán dứt điểm nợ vay cho Ngân hàng. Trường hợp ông Huỳnh Văn C và anh Huỳnh Hà Quốc T1 không trả ngay số nợ nói trên thì đề nghị quý Tòa cho phát mãi toàn bộ tài sản đảm bảo trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng B

Ngoài ra, phần tài sản ông **C**, bà **L** thế chấp ngân hàng thì hiện nay do ông **C** đang là người trực tiếp, quản lý sử dụng, không thay đổi hiện trạng so với khi thế chấp nên ngân hàng không yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ.

*** Bị đơn ông Huỳnh Văn C; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Hà Quốc T1:**

Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông **C**, anh **T1** như Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật nhưng ông **C**, anh **T1** không đến Tòa án nên không có lời khai.

*** Tại phiên tòa:**

- Bà **Nguyễn Thị N1** là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu ông **Huỳnh Văn C** và anh **Huỳnh Hà Quốc T1** phải thực hiện ngay nghĩa vụ trả nợ cho **Ngân hàng B** toàn bộ số tiền gốc và lãi phải thanh toán đến hết ngày 30/7/2024 là: Tổng cộng gốc và lãi là 441.352.305 đồng. Trong đó: nợ gốc 112.162.805 đồng và nợ lãi là 290.189.500 đồng (gồm lãi suất trong hạn 220.759.447 đồng và lãi quá hạn 69.430.053 đồng). và tiền lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số: NA.0126.11/HĐTD ký ngày 02/06/2011 kể từ ngày 31/7/2024 cho đến khi ông **Huỳnh Văn C** và anh **Huỳnh Hà Quốc T1** thanh toán dứt điểm nợ vay cho Ngân hàng. Trường hợp ông **Huỳnh Văn C** và anh **Huỳnh Hà Quốc T1** không thanh toán số nợ nói trên thì đề nghị quý Tòa cho phát mãi toàn bộ tài sản đảm bảo trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

- Quan điểm kiểm sát của đại diện Viện kiểm sát như sau:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về xác định thẩm quyền, thu thập chứng cứ, yêu cầu đương sự cung cấp chứng cứ, thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử; Đồng thời tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) và thư ký tuân thủ trình tự tố tụng tại phiên tòa, đương sự có mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tại tòa.

+ Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông **Huỳnh Văn C** và anh **Huỳnh Hà Quốc T1** phải trả cho **Ngân hàng TMCP Đ** số tiền tổng cộng gốc và lãi là 441.352.305 đồng. Trong đó: nợ gốc 112.162.805 đồng và nợ lãi là 290.189.500 đồng (gồm lãi suất trong hạn 220.759.447 đồng và lãi quá hạn 69.430.053 đồng). và tiền lãi phát sinh theo lãi

suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số: NA.0126.11/HĐTD ký ngày 02/06/2011 kể từ ngày 31/7/2024 cho đến khi ông **Huỳnh Văn C** và anh **Huỳnh Hà Quốc T1** thanh toán dứt điểm nợ vay cho Ngân hàng trong phạm vi di sản của bà **Hà Mỹ L** để lại.

Trường hợp ông **Huỳnh Văn C** và anh **Huỳnh Hà Quốc T1** không trả ngay số nợ nói trên thì Ngân hàng có quyền phát mãi toàn bộ tài sản đảm bảo trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP Đ** đối với ông **Huỳnh Văn C** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh **Huỳnh Hà Quốc T1** cùng có nghĩa vụ trả tiền nợ vay là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài*” và “*Thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khi thụ lý vụ án Tòa án chỉ xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Nay Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” và “*Thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại*”. Bị đơn ông **Huỳnh Văn C** có địa chỉ **ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang** nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý, xét xử sơ thẩm theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về tố tụng: Bị đơn ông **Huỳnh Văn C** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh **Huỳnh Hà Quốc T1** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không lý do. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông **C** và anh **T1** là đúng quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về chứng cứ: Ngân hàng có cung cấp chứng cứ là hợp đồng tín dụng NA.0126.11/HĐTD ngày 02/06/2011, hợp đồng thế chấp số: 0576.0801/HĐTC ngày 03/11/2008 và biên bản làm việc ngày 12/6/2023. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho ông **C** và anh **T1** nhưng ông **C** và anh **T1** không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện, các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như không có yêu cầu phản tố nên căn cứ vào khoản 1, 2 và 4 Điều 91 Bộ Luật tố

tụng dân sự 2015. Do đó, có thể khẳng định về chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hợp lệ.

[4] Theo hồ sơ thể hiện bà Hà Mỹ L và ông Huỳnh Văn C cùng ký kết hợp đồng vay tài sản và thế chấp tài sản với Ngân hàng. Hiện nay bà Hà Mỹ L đã chết nên Ngân hàng yêu cầu ông Huỳnh Văn C và anh Huỳnh Hà Quốc T1 (là con của ông C, bà L) có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Phía Ngân hàng cung cấp giấy chứng tử bà Hà Mỹ L chết vào ngày 27/10/2021. Tòa án đã thông báo cho ông Huỳnh Văn C yêu cầu cung cấp di chúc (nếu có) và hàng thừa kế theo quy định của pháp luật của bà Hà Mỹ L để xác định quyền thừa kế và hàng thừa kế của bà L. Hết thời hạn ông C không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì. Hội đồng xét xử, căn cứ vào sổ hộ khẩu (BL 04) và biên bản làm việc ngày 12/6/2023 giữa ông C và Ngân hàng (BL 22) đối chiếu với các quy định tại các Điều 68, 74 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự xác định: ông Huỳnh Văn C và anh Huỳnh Hà Quốc T1 là người thừa kế theo pháp luật của bà Hà Mỹ L và xác định bà L không phải là bị đơn trong vụ án do bà L chết trước khi nguyên đơn khởi kiện và khi Tòa án thụ lý vụ án. Ngân hàng khởi kiện bị đơn là ông Huỳnh Văn C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Huỳnh Hà Quốc T1 có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng là có căn cứ.

[5] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ.

[5.1] Về nợ gốc: Theo hợp đồng tín dụng số NA.0126.11/HĐTD ký ngày 02/06/2011, thì ông Huỳnh Văn C và bà Hà Mỹ L vay của Ngân hàng TMCP Đ số tiền 130.000.000 đồng. Ngân hàng TMCP Đ đã giải ngân số tiền vay 130.000.000 đồng cho ông C, bà L. Ông C và bà L đã trả nợ gốc cho Ngân hàng được 8.837.195 đồng, còn nợ số tiền 112.162.805 đồng. Quá hạn trả nợ thì ông C, bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng như đã thỏa thuận. Xét thấy, quá trình thực hiện hợp đồng vay vốn bị đơn là ông C, bà L đã vi phạm thỏa thuận giữa các bên, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu bị đơn là ông C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Hà Quốc T1 có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc 112.162.805 đồng là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 474 Bộ Luật dân sự 2005 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc ông C và anh T1 phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ số nợ gốc là 112.162.805 đồng.

[5.2] Về lãi suất: Tại phiên tòa bà N1 là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Đ xác nhận từ khi vay cho đến nay ông C, bà L đã trả lãi cho Ngân hàng 44.979.838 đồng. Nay bà N1 yêu cầu ông C, anh T1 phải trả cho Ngân

hàng tiền lãi tạm tính đến ngày 30/7/2024 số tiền nợ lãi là 290.189.500 đồng (lãi suất trong hạn 220.759.447 đồng và lãi quá hạn 69.430.053 đồng) và tiền lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số: NA.0126.11/HĐTD ký ngày 02/06/2011 kể từ ngày 31/7/2024 cho đến khi ông **Huỳnh Văn C** và anh **Huỳnh Hà Quốc T1** thanh toán dứt điểm nợ vay cho Ngân hàng. HĐXX xét thấy, căn cứ theo Điều 476 Bộ Luật Dân sự năm 2005 thì yêu cầu này là phù hợp nên HĐXX chấp nhận. Buộc ông **C** và anh **T1** phải trả cho **Ngân hàng T2** là 290.189.500 đồng và phải tiếp tục trả lãi phát sinh cho Ngân hàng sau ngày 31/7/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ với mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký kết nêu trên.

[5.3] Về tài sản thế: theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 0576.0801/HĐTC ngày 03/11/2008; được công chứng/chứng thực tại **UBND xã M** ngày 03/11/2008; Phụ lục đảm bảo tiền vay số 0059.11/PLHĐTC ngày 02/06/2011 và đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất **huyện C, tỉnh Kiên Giang** ngày 03/11/2008. Việc thế chấp tài sản nêu trên giữa ông **C** và bà **L** với Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện và các tài sản thế chấp đã đăng ký theo quy định tại các Điều 342, 343 Bộ Luật Dân sự 2005 là đúng quy định. Do ông **C**, bà **L** đã vi phạm hợp đồng tín dụng như đã phân tích nêu trên nên Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là phù hợp thỏa thuận giữa hai bên ghi nhận trong Hợp đồng thế chấp.

[6] Theo khoản 1 Điều 615 Bộ luật Dân sự quy định: “*những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”. Cho đến thời điểm này, các bên không có thỏa thuận khác. Vì vậy, phần nghĩa vụ tài sản của bà **Hà Mỹ L** thì hàng thừa kế thứ nhất theo quy định pháp luật của bà **L** gồm ông **Huỳnh Văn C** và anh **Huỳnh Hà Quốc T1** phải có nghĩa vụ thực hiện trong phạm vi di sản do bà **Hà Mỹ L** chết để lại. Trường hợp nghĩa vụ để lại lớn hơn phần di sản để lại thì ông **Huỳnh Văn C** và anh **Huỳnh Hà Quốc T1** chỉ có nghĩa vụ thanh toán trong phạm vi di sản do bà **Hà Mỹ L** để lại.

[7] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch:

Án phí được tính như sau: là 441.352.305 đồng = 20.000.000 đồng x 4% (41.352.305 đồng) = 20.000.000 đồng+ 1.654.092 đồng = 21.654.000 đồng (làm tròn).

Buộc ông **Huỳnh Văn C** và anh **Huỳnh Hà Quốc T1** phải chịu án phí là 21.654.000 đồng.

Ngân hàng TMCP Đ không phải chịu án phí do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ các Điều 471, 474 và 476 Bộ Luật dân sự 2005, Điều 688 và khoản 1 Điều 615 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP Đ.**

1.1. Xác định ông **Huỳnh Văn C** và bà **Hà Mỹ L** còn nợ **Ngân hàng Đ** số tiền nợ tính đến ngày 30/7/2024: Tổng cộng gốc và lãi là 441.352.305 đồng. Trong đó: nợ gốc 112.162.805 đồng và nợ lãi là 290.189.500 đồng (lãi suất trong hạn 220.759.447 đồng và lãi quá hạn 69.430.053 đồng) theo hợp đồng tín dụng số NA.0126.11/HĐTD ký ngày 02/06/2011.

1.2. Buộc bị đơn ông **Huỳnh Văn C** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh **Huỳnh Hà Quốc T1** có nghĩa vụ thanh toán cho **Ngân hàng TMCP Đ** số tiền nợ tính đến ngày 30/7/2024: Tổng cộng gốc và lãi là 441.352.305 đồng (*Bốn trăm, bốn mươi một triệu, ba trăm năm mươi hai nghìn, ba trăm lẻ năm đồng*). Trong đó: nợ gốc 112.162.805 đồng và nợ lãi là 290.189.500 đồng (lãi suất trong hạn 220.759.447 đồng và lãi quá hạn 69.430.053 đồng) và ông **C**, anh **T1** còn phải còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh cho Ngân hàng kể từ ngày 31/7/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ với mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng số NA.0126.11/HĐTD ký ngày 02/06/2011.

1.3. Nếu bị đơn ông **Huỳnh Văn C** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh **Huỳnh Hà Quốc T1** không trả nợ hoặc chỉ trả được một phần các khoản nợ trên cho Ngân hàng **Ngân hàng TMCP Đ** thì **Ngân hàng Đ** có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 0576.0801/HDTC ngày 03/11/2008 để thu hồi nợ.

1.4. Khi ông C và anh T1 trả xong nợ thì Ngân hàng TMCP Đ có trách nhiệm trả lại cho ông C và anh T1: 01 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AB 729400 số vào sổ cấp giấy chứng nhận: H000126 (CN số 246/2005) do UBND Huyện C, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 18/04/2005; Chủ sở hữu: ông/bà Hà Mỹ L và Huỳnh Văn C (Theo hợp đồng thế chấp số 0576.0801/HDTC ngày 03/11/2008).

2. Trường hợp nghĩa vụ trả tiền nợ vay của bà Hà Mỹ L cho Ngân hàng TMCP Đ theo hợp đồng tín dụng số NA.0126.11/HĐTD ký ngày 02/06/2011 lớn hơn phần di sản do bà Hà Mỹ L để lại thì bị đơn ông Huỳnh Văn C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Hà Quốc T1 chỉ có nghĩa vụ thanh toán trong phạm vi di sản do bà Hà Mỹ L để lại.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Huỳnh Văn C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Hà Quốc T1 phải chịu 21.654.000 đồng (Hai mươi một triệu, sáu trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.600.000 đồng (Chín triệu, sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001056 ngày 23/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Huỳnh Văn C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Hà Quốc T1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- VKSND cùng cấp;
- UBND xã;
- CCTHADS;
- Đường sự;
- Lưu.

Lê Thị Thanh Thảo